TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-PT
Ngày: 08-01-2021
V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Thanh**

Ông **Lâm Bách**

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về *"Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn K1, sinh năm 1942 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 9, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Văn V, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (Theo giấy ủy quyền ngày 13/11/2020) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Anh Võ Văn K2, sinh năm 1981 (có đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 9, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam S, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

2.2. Bà Võ Thị Như K3, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố P;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Song T - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.2. Ông Võ Văn V, sinh năm 1968 (có mặt);

3.3. Bà Trần Thị T, sinh năm 1975 (có mặt);

3.4. Ông Võ Như N, sinh năm 1974 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Đường Đ, khu phố 1, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3.5. Bà Lê Thị N, sinh năm 1956 (có mặt);

3.6. Bà Lưu Thị Lan A (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Đường H, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

4. Những người làm chứng:

4.1. Ông Mai Thế D, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường H, khu phố 1, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

4.2. Ông Trần Quang C và bà Phạm Thị O (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Võ Văn K1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Võ Văn K1 trình bày:

Ngày 20/6/2014, ông sang nhượng lại ngôi nhà số 246 Đường H phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cho ông Mai Thế D với giá 580.000.000đ. Sau đó, ông đã giao 580.000.000đ cho anh Võ Văn K2 nhờ mua một lô đất diện tích 314m^2 tọa lạc tại 52/12 Đường Đ, khu phố 1, phường P để xây nhà vì trong nhà chỉ có K am hiểu về nhà đất. Lúc ông giao tiền cho K có ông D là người mua nhà làm chứng. Đến ngày 26/8/2014 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, K2 đã bàn giao căn nhà cho ông, ông đã đưa cho vợ chồng Võ Văn V, Trần Thị T và Võ Như N là các con ông sở hữu căn nhà. Sau khi nhận nhà gia đình đã nhiều lần hỏi K2 về sổ đỏ cuả căn nhà, nhưng K2 nói chưa làm được nên vẫn chưa có sổ đỏ. Mãi đến tháng 5/2017 khi bà Lê Thị N mang giấy tờ thế chấp vay nợ đến, ông mới biết ngôi nhà ông đang ở và kinh doanh nhà nghỉ đứng tên Võ Văn K2 và đã bị K2 mang giấy tờ nhà đi thế chấp.

Do đó ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Vợ chồng anh Võ Văn K2, chị Võ Thị Như K3 có nghĩa vụ trả lại quyền sử dụng thửa đất số 579, tờ bản đồ số 5, diện tích 314m^2 và tài sản gắn liền thửa đất cho ông;

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số BX 247126, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03689 do Uỷ ban nhân dân thành phố P cấp cho anh Võ Văn K2 ngày 18 tháng 9 năm 2014.

Tại phiên tòa, anh Võ Văn V không bổ sung ý kiến nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Võ Văn K2 trình bày:

Sau khi cha ruột là ông Võ Văn K1 bán nhà cho ông Mai Thế D vào ngày 20 tháng 6 năm 2014, K1 đã giao cho anh toàn bộ 580.000.000đ để nhờ anh mua lô đất diện tích 314m^2 tọa lạc tại 52/12 Đường Đ, khu phố 1, phường P xây nhà nghỉ, nhà ở, tạo điều kiện cho anh chị Võ Văn V, Trần Thị T kinh doanh. Tháng 8 năm 2014 anh xây xong nhà nghỉ và 7 phòng trọ giao lại cho vợ chồng anh Vui kinh doanh nhà nghỉ cho đến nay. Anh đã mua đất của ông Trần Quang C và bà Phạm Thị O với giá 240.000.000 đồng, hợp đồng ký tại Phòng công chứng A. Chi phí xây dựng cũng như mua sắm đồ đạc vật dụng cho nhà ở, nhà nghỉ là 550.000.000 đồng. Tổng cộng cả tiền đất và tài sản gắn liền là 790.000.000 đồng. Sở dĩ anh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do anh cần tiền vay ngân hàng, anh không nói cho K1 biết việc anh đứng tên trong giấy chứng nhận, vì nếu biết thiếu tiền K1 sẽ không cho xây dựng nhà nghỉ, mặt khác anh cũng muốn giúp ông Vui, bà T kinh doanh. Thực tế vợ anh là chị Võ Thị Như K3 không biết gì và không liên quan đến số tiền mua đất.

Anh đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đồng ý trả thửa đất số 579, tờ bản đồ số 5, diện tích 314m^2 và căn nhà cấp 4, 07 phòng trọ và vật kiến trúc khác gắn liền, đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số BX 247126, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03689 do Uỷ ban nhân dân thành phố P cấp cho anh ngày 18 tháng 9 năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – chị Võ Thị Như K3 trình bày:

Chị không liên quan đến vụ án vì chị không biết căn nhà cùng các tài sản gắn liền thửa đất số 579, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại số nhà 52/12 Đường Đ thuộc quyền sở hữu của ai. Chị chỉ biết hiện căn nhà này do Võ Văn V, Trần Thị T quản lý. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc anh Võ Văn K2 và chị trả lại căn nhà cấp 4 và 07 phòng trọ và vật kiến trúc khác gắn liền thửa đất số 579, tờ bản đồ số 5, diện tích 314m², hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số BX 247126, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03689 do Uỷ ban nhân dân thành phố P cấp cho anh Võ Văn K2 ngày 18 tháng 9 năm 2014, chị đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Võ Văn V và chị Trần Thị T trình bày:

Ngày 20 tháng 6 năm 2014, cha ruột Võ Văn K1 sang nhượng lại ngôi nhà số 246 Đường H phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cho ông Mai Thế D

với giá 580.000.000 đồng. Sau đó, K1 đã giao 580.000.000 đồng cho Võ Văn K2 nhờ mua lô đất diện tích 314m^2, tọa lạc tại 52/12 Đường Đ, khu phố 1, phường P để xây nhà. Khi K2 mua đất thì anh chị không biết K2 mua đất của ai, giá bao nhiêu, khi mua xong K2 xây dựng nhà ở và các phòng trọ, anh chị không biết chi phí tất cả là bao nhiêu. Đến ngày 26/8/2014 K2 xây nhà xong, K2 đã bàn giao căn nhà cho anh chị ở và kinh doanh, hàng tháng lấy tiền lãi phụng dưỡng K1. Đến tháng 5 năm 2017 khi bà Lê Thị N mang giấy tờ thế chấp vay nợ đến, anh chị mới biết ngôi nhà đang ở và kinh doanh nhà nghỉ đứng tên Võ Văn K2 và đã bị K2 mang giấy tờ nhà đi thế chấp.

Anh chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Vợ chồng Võ Văn K2, Võ Thị Như K3 có nghĩa vụ trả lại thửa đất số 579, tờ bản đồ số 5, diện tích 314m^2 và tài sản gắn liền với thửa đất cho ông Võ Văn K1.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số BX 247126, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 03689 do Uỷ ban nhân dân thành phố P cấp cho anh Võ Văn K2 ngày 18 tháng 9 năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Võ Như N trình bày:

Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hiện anh đang trực tiếp quản lý nhà ở và nhà nghỉ cùng với anh Võ Văn V và chị Trần Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị N và chị Lưu Thị Lan A trình bày:

Bà và Lưu Thị Lan A có cho Võ Văn K2 và vợ là Võ Thị Như K3 vay 500.000.000 đồng vào ngày 20/01/2016, hợp đồng ký tại văn phòng công chứng An Khang. Thời hạn cho vay từ ngày 20/01/2016 cho đến ngày 20/12/2019. Anh K2 và chị K3 đã thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 579, tờ bản đồ số 5, diện tích 314m² đã được Uỷ ban nhân dân thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số BX 247126 cho Võ Văn K2 để bảo đảm cho khoản vay. Theo hợp đồng, hết thời hạn vay, nếu anh K2 và chị K3 không trả thì anh chị có nghĩa vụ chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 579, tờ bản đồ số 5, diện tích 314m^2 cho bà và Lan A. Bà đang giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số BX 247126. Từ tháng 3 năm 2016 đến nay anh K2 không tiếp tục trả lãi cho bà. Bà đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu anh K2 trả nợ và đã có quyết định thi hành án, nhưng anh K2 vẫn chưa trả tiền nợ. Nay ông Võ Văn K1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số BX 247126 đứng tên Võ Văn K2, bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Uỷ ban nhân dân thành phố P - do bà Nguyễn Thị Song T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 16/9/2003, Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Quang C thửa đất số 579, tờ bản đồ số 5, diện tích 814m^2 đất ở thuộc phường P. Ngày 18/8/2014, ông Trần Quang C

có đơn đề nghị tách thửa đất số 579 thành 2 thửa đồng thời chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Võ Văn K2 thửa đất số 579 và được Uỷ ban nhân dân thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/9/2014 cho anh Võ Văn K2 thửa đất số 579, diện tích 314m^2 đất CLN tờ bản đồ số 5 phường P, số giấy phát hành BX 247126. Căn cứ vào Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về thi hành một số điều của Luật Đất đai, Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, việc Uỷ ban nhân dân thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Võ Văn K2 thửa đất số 579, diện tích 314m^2 đất CLN tờ bản đồ số 5, phường P ngày 18/9/2014 là đúng quy định cuả pháp luật.

Người làm chứng - ông Mai Thế D - trình bày:

Ngày 20 tháng 6 năm 2014, ông nhận sang nhượng lại ngôi nhà số 246 Đường H phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận từ ông Võ Văn K1 với giá 580.000.000 đồng, do thời gian đã lâu nên ông không nhớ thời điểm giao tiền cho K1.

Người làm chứng - ông Trần Quang C - trình bày:

Ngày 18/8/2014, vợ chồng ông Trần Quang C và Phạm Thị O chuyển nhượng thửa đất số 579, tờ bản đồ số 05, diện tích 314m^2 cho anh Võ Văn K2. Thửa đất này đã được UBND thị xã P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số S 258240 (vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00449 QSDĐ/521/QĐ-TX/2003) ngày 19/6/2003 cho ông. Giá tiền chuyển nhượng là 560.000.000 đồng. Người trực tiếp giao tiền cho ông là anh Võ Văn K2. Vợ chồng ông và anh Võ Văn K2 đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 732/HĐCNQSDĐ-VPCCAK tại Văn phòng công chứng A. Sau đó anh Võ Văn K2 đã thực hiện việc sang tên theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 221 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Võ Văn K1 có quyền khởi kiện yêu cầu anh Võ Văn K2 có nghĩa vụ trả 580.000.000đ trong một vụ kiện dân sự khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/9/2020, nguyên đơn ông Võ Văn K1 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh

Ninh Thuận, K1 không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông khởi kiện anh Võ Văn K2 có nghĩa vụ trả 580.000.000đ trong một vụ kiện dân sự khác. K1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03689 do UBND thành phố P cấp cho anh Võ Văn K2.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu, chứng cứ do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập và do đương sự cung cấp chứng minh việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều do anh Võ Văn K2 thực hiện nên ông Võ Văn K1 cho rằng quyền sử dụng đất mà anh K2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được hình thành từ nguồn tiền của K1 là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn K1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

- Các ông bà Võ Văn K2, Võ Như N, Lưu Thị Lan A; Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố P đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Võ Thị Như K3 vắng mặt lần thứ hai đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự. Ông Võ Văn K1 ủy quyền cho ông Võ Văn V.

- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận việc giải quyết vụ án. Đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Võ Văn K1 và tranh luận của người đại diện theo ủy quyền của K1.

[2.1] Quyền sử dụng đất thửa số 579, tờ bản đồ số 05, diện tích 314m^2, số bìa BX 247126, số vào sổ CH 03689 ngày 18/9/2014, K1 cho rằng được hình thành từ số tiền của vợ chồng K1 nhờ anh K2 đi làm thủ tục giúp nhưng K2 đã tự ý kê khai đứng tên chủ sử dụng đất. Anh K2 vay tiền của bà Lê Thị N dẫn đến bà Nhưng giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên K1 khởi kiện.

[2.2] Bản án dân sự sơ thẩm tuyên K1 có quyền khởi kiện anh K2 đòi lại số tiền 580.000.000đ là không có căn cứ vì anh K2 không vay tiền của K1.

[3] Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Ông Võ Văn K1 cho rằng có giao cho anh Võ Văn K2 580.000.000đ được anh K2 thừa nhận nhưng giữa anh K2 và K1 là cha và con với nhau; anh K2 có vay tiền của bà Lê Thị N dẫn đến quyền sử dụng đất đang được thế chấp cho bà Nhưng. K1 và anh K2 không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng

minh quyền sử dụng đất đang tranh chấp là tài sản được hình thành từ nguồn tiền của K1 nên Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận tranh luận của người đại diện theo ủy quyền của K1.

[3.2] K1 cho rằng sau khi bán nhà cho ông Mai Thế D thì K1 giao toàn bộ tiền nhờ K2 mua đất và xây dựng nhà trọ trên đất, K1 không xuất trình được chứng cứ để chứng minh. Giấy sang nhượng đất ngày 20/6/2014 thể hiện nội dung K1 chuyển nhượng đất cho ông Mai Huy H; người làm chứng là ông Phạm Văn T, Lê Văn S (BL15). Giấy xác nhận bán nhà của K1 thể hiện nội dung: Ông Mai Thế D xác nhận có mua nhà của K1, giao đủ tiền cho K1, không có nội dung chứng kiến giao tiền cho K2. (BL 01).

[3.3] K1 còn cho rằng ngày 26/8/2014, anh K2 giao nhà cho K1 nên K1 cho vợ chồng ông Võ Văn V, Trần Thị T; Võ Như N được sở hữu căn nhà. Tuy nhiên, K1 không xuất trình được chứng cứ để chứng minh, lời khai của những người được tặng cho không đảm bảo tính khách quan và tính có căn cứ vì họ có mối quan hệ họ hàng cha-con với nhau. Thực tế bà Trần Thị T đăng ký kinh doanh nhà nghỉ, trọ ngày 08/9/2017 trong khi hợp đồng thế chấp đất giữa anh K2 với mẹ con bà N đã được xác lập trước đó là ngày 20/11/2016. Bà Trần Thị T thừa nhận thủ tục đăng ký kinh doanh nhà nghỉ, trọ không cần xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc bà T đứng tên người đăng ký kinh doanh nhà trọ trên đất tranh chấp không có ý nghĩa chứng minh quyền sử dụng đất và tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà T. Năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết vụ việc vay nợ giữa anh Võ Văn K2 với mẹ con bà Lê Thị N, Lưu Thị Lan A thì anh K2 cũng không trình bày nguồn gốc nhà và đất là của ông Võ Văn K1.

[3.4] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy người kháng cáo không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên toàn bộ nội dung tranh luận và kháng cáo không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận. Kiểm sát viên phát biểu quan điểm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Kháng cáo của ông Võ Văn K1 không được chấp nhận lẽ ra ông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[5] Bản án sơ thẩm nhận định tại trang 7 nội dung: K1 có quyền khởi kiện yêu cầu anh Võ Văn K2 có nghĩa vụ trả lại số tiền 580.000.000đ trong một vụ kiện dân sự khác, đồng thời tuyên nội dung này trong phần quyết định của bản án là thừa vì không thuộc đối tượng tranh chấp trong vụ án. Tòa án cấp phúc thẩm rút kinh nghiệm Tòa án cấp sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308; Khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 164, 221 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn K1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn K1 về việc buộc anh Võ Văn K2, chị Võ Thị Như K3 trả lại quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 579, tờ bản đồ 05, diện tích 314m^2 cùng tài sản gắn liền thửa đất. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn K1 về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 03689 ngày 18/9/2014, số bìa BX 247126 do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp cho anh Võ Văn K2. Ông Võ Văn K1 có quyền khởi kiện anh Võ Văn K2 bằng vụ án khác đối với số tiền 580.000.000đ.

3. Miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Võ Văn K1.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 08/01/2021)./.

Nơi nhận:
- TAND tp. P;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS tp. P;
- Các đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hàng Lâm Viên